*1. Phí Thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:*

*Đơn vị tính: 1.000 đồng/hồ sơ*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Nội dung công việc*** | ***Đối với công việc do cấp xã đảm nhận*** | | ***Đối với công việc do thực hiện tại cấp huyện Chi nhánh VPĐKDĐ*** | |
| ***Tại các phường, thị trấn*** | ***Tại nông thôn*** | ***Tại các phường, thị trấn*** | ***Tại nông thôn*** |
| ***a.*** *Các trường hợp đăng ký xin cấp GCNQSDĐ theo quy định tại Điều 100, 101 Luật đất đai năm 2013 có diện tích đo đạc:* | | | | |
| *Hồ sơ có diện tích dưới 500 m­2* | *200* | *130* | *450* | *330* |
| *Hồ sơ có diện tích từ 500 m­2 đến dưới1.000 m 2* | *200* | *130* | *480* | *360* |
| *Hồ sơ có diện tích từ 1.000 m­2 đến dưới3.000 m 2* | *200* | *130* | *550* | *420* |
| *Hồ sơ có diện tích từ 3.000 m­2 đến dưới5.000 m 2* | *200* | *130* | *610* | *490* |
| *Hồ sơ có diện tích từ 5.000 m­2 đến dưới10.000 m 2* | *200* | *130* | *680* | *550* |
| *Hồ sơ có diện tích từ 10.000 m 2 (1ha) trở lên* | *200* | *130* | *910* | *650* |
| *\* Riêng đối với hồ sơ đăng ký xin cấp giấy CNQSDĐ của người được cơ quan có thẩm quyền giao đất, được phép chuyển mục đích sử dụng đất, mua nhà thuộc sở hữu nhà nước mức thu phí thẩm định bằng 50% mức thu quy định trên đây.* | | | | |
| ***b.*** *Các trường hợp khác* | *130* | *60* | *260* | *200* |

*- Miễn 100% phí thẩm định cho đối tượng là người tham gia cách mạng trước năm 1945, anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng lao động; thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh bị mất sức lao động từ 81% trở lên; thân nhân liệt sỹ đang hưởng tiền tuất nuôi dưỡng hàng tháng; hộ thuộc diện nghèo (hộ nghèo được xác định theo quy định của Chính phủ); hộ đồng bào dân tộc thiểu số.*

*- Giảm 50% phí thẩm định cho các đối tượng là gia đình người có công với cách mạng theo quy định của Pháp lệnh ưu đãi đối với người có công cách mạng (trừ đối tượng được quy định ở trên).*

*2. Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản khác gắn liền với đất:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nội dung*** | ***Tại các phường nội thành thuộc thị xã, thành phố thuộc tỉnh*** | ***Tại các  khu vực khác*** |
| *Đối với trường hợp có nhà và tài sản gắn liền với đất* | *50.000 đồng/1 giấy* | *25.000 đồng/1 giấy* |
| *Đối với trường hợp không có nhà và tài sản gắn liền với đất* | *20.000 đồng/1 giấy* | *10.000 đồng/1 giấy* |
| *Trích lục bản đồ địa chính* | *15.000 đồng/1 lần* | *7.000 đồng/1 lần* |
| *Chứng nhận đăng ký biến động đất đai* | *28.000 đồng/1 lần* | *14.000 đồng/1 lần* |

*- Miễn nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất có hiệu lực thi hành ngày 10/12/2009) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.*

*- Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn.*

*Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã được cấp Giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp Giấy chứng nhận.*